TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YT
TỈNH BG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **15**/2020/DS-ST
Ngày: 21/7/2020
"V/v Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Chiến.

2. Ông Đỗ Ngọc Thắng

Thư ký phiên toà: Bà Lương Thị Hoa - Thư ký Toà án nhân dân huyện YT.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện YT tham gia phiên toà: Ông Vi Văn Cảnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện YT mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2020/TLST-DS ngày 06 tháng 05 năm 2020 về việc tranh chấp "Hợp đồng mua bán tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2020/QĐXXST- DS ngày 17 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Chị **Đoàn Thị B** - Sinh năm 1975. (Có mặt)
Trú quán: Thôn CN, xã XL, huyện YT, tỉnh BG.

* Bị đơn: Anh **Mai Hồng K** - Sinh năm 1975. (Vắng mặt)
Chị **Lý Thị T** - Sinh năm 1985. Vắng mặt
Đều trú tại: Bản GD, xã CN, huyện YT, Tỉnh BG.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:
Anh **Nguyễn Văn D** - Sinh năm 1974.(Anh D ủy quyền cho chị B).
Trú quán: Thôn CN, xã XL, huyện YT, tỉnh BG.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/3/2020, bản tự khai ngày 06/5/2020 những lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa của nguyên đơn chị Đoàn Thị B, Lời khai của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và trong quá trình xét xử nội dung vụ án như sau:

Gia đình chị Đoàn Thị B làm nghề buôn bán cám thức ăn chăn nuôi gia súc, gia cầm ở Thôn CN, xã XL, huyện YT, tỉnh BG. Giữa gia đình chị B và vợ chồng

anh Mai Hồng K, chị Lý Thị T có sự quen biết nhau. Do vậy vào năm 2016 vợ chồng anh Mai Hồng K có đến nhà chị B đặt vấn đề mua cám chịu để về chăn nuôi gà, chị B đã đồng ý. Hai bên thỏa thuận chị B sẽ đầu tư toàn bộ cám để vợ chồng anh K chăn nuôi gà. Đến khi nào vợ chồng anh K bán hết đàn gà thì phải thanh toán trả cho chị B toàn bộ số tiền cám mà chị B đã đầu tư. Tuy nhiên khi bán hết gà, vợ chồng anh K có trả nợ cho chị B nhưng không trả hết. Ngày 12/9/2016 hai bên có cộng sổ và chốt nợ và ký nhận nợ với nhau. Theo đó vợ chồng anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T còn nợ chị Đoàn Thị B số tiền 31.940.000 đồng. Những năm sau đó chị B có đòi nhiều lần nhưng vợ chồng anh K không trả. Trong thời gian từ ngày 20/1/2019 đến ngày 26/1/2019(Âm lịch) vợ chồng anh K lại tiếp tục mua nợ cám của chị B 09 bao cám với tổng số tiền là 2.430.000 đồng. Ngày 28/9/2019 anh K đã trả được số tiền là 2.000.000 đồng, còn nợ lại số tiền 430.000 đồng. Tính đến ngày 28/9/2019 vợ chồng anh Mai Hồng K còn nợ tiền cám của chị Đoàn Thị B với tổng số tiền là 32.370.000 đồng. Số tiền trên đến nay vợ chồng anh Mai Hồng K vẫn chưa trả cho chị Đoàn Thị B. Nay chị B yêu cầu vợ chồng anh K phải trả cho chị toàn bộ số tiền nợ gốc là 32.370.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất là 0,95%/tháng tính từ ngày 12/9/2016.

Bị đơn anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T thừa nhận có việc mua chịu cám của chị Đoàn Thị B và còn nợ tiền cám chị Đoàn Thị B tổng số tiền là 32.370.000 đồng. Nay chị B khởi kiện đòi số tiền 32.370.000 đồng, anh chị đồng ý trả số tiền trên nhưng vì hoàn cảnh gia đình đang gặp khó khăn nên xin trả dần số tiền trên. Đối với yêu cầu tính lãi của chị Đoàn Thị B, anh K, chị T không đồng ý trả tiền lãi với lý do khi mua chịu cám, tiền lãi đã được chị B tính trong tiền cám mua nợ rồi.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn D trình bày: Anh là chồng chị Đoàn Thị B, anh có được biết hiện nay vợ chồng anh Mai Hồng K còn nợ vợ chồng anh tổng số tiền cám là 32.370.000 đồng. Nay vợ anh khởi kiện đòi nợ đối với vợ chồng anh K, anh đồng ý với toàn bộ nội dung khởi kiện của vợ là chị Đoàn Thị B. Anh ủy quyền toàn bộ cho vợ anh tham gia giải quyết vụ kiện tại Tòa án.

Tại phiên tòa chị Đoàn Thị B vẫn giữ nguyên nội dung đơn khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh K, chị T phải trả cho chị số tiền còn nợ là 32.370.000 đồng. Đối với số tiền lãi, chị yêu cầu vợ chồng anh K phải trả cho chị số tiền lãi với mức lãi suất là 0,83%/tháng tính từ ngày 12/9/2016. Tổng số tiền lãi là khoảng hơn 12 triệu đồng nhưng chị chỉ yêu cầu vợ chồng anh K trả cho chị 10.000.000 đồng tiền lãi.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về thủ tục tố tụng của Toà án trong quá trình thụ lý cũng như giải quyết vụ án và sự chấp hành pháp luật của các đương theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng các quy định về tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các điều 70, Điều 71, Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã không chấp hành đúng các quy định về quyền và nghĩa vụ của mình được qui định tại các điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc vợ chồng anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T phải trả cho vợ chồng chị Đoàn Thị B số tiền gốc là 32.370.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi là 42.370.000 đồng.

Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị Đoàn Thị B khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện YT giải quyết về quan hệ đòi nợ với anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T. Đây là quan hệ tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện YT theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tại phiên tòa anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T vắng mặt lần thứ hai không có lý do, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ. Căn cứ vào điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh K, chị T.

[2] Đối với yêu cầu đòi nợ của Chị Đoàn Thị B: Hội đồng xét xử xét thấy việc thỏa thuận mua bán hàng hóa cụ thể là mua bán thức ăn chăn nuôi giữa chị Đoàn Thị B và vợ chồng anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T là đúng sự thật. Hai bên có thỏa thuận: Chị B cung cấp toàn bộ thức ăn chăn nuôi(cám gà) cho vợ chồng anh K. Trong mỗi lần giao hàng hai bên đều ký vào sổ nợ. Sau khi bán hết gà anh K không trả hết nợ cho chị B, hai bên có cùng nhau chốt sổ và ký nhận nợ. Đến nay chị Đoàn Thị B yêu cầu vợ chồng anh Mai Hồng K phải trả số tiền còn nợ là

32.370.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện, anh K và chị T đều thừa nhận còn nợ chị B toàn bộ số tiền như trên và xin trả dần. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B là có căn cứ nên được chấp nhận.

[3] Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Đoàn Thị B yêu cầu vợ chồng anh Mai Hồng K, chị Lý Thị T phải trả số tiền lãi là 0,95%/tháng từ số tiền còn nợ là 32.370.000 đồng. Tại phiên tòa hôm nay, chị Đoàn Thị B yêu cầu anh K, chị T phải trả số tiền lãi 0,83%/tháng, tính từ ngày 12/9/2016 đến ngày 21/7/2020. Tổng số tiền lãi mà vợ chồng anh K phải trả là trên 12 triệu đồng. Tuy nhiên chị B tự nguyện chỉ yêu cầu vợ chồng anh K trả cho chị số tiền lãi là 10.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu này của chị B, anh K chị T không đồng ý trả tiền lãi vì cho rằng khi mua nợ tiền cám, Chị B đã tính lãi trong mỗi bao cám rồi.

Đối với yêu cầu tính lãi của chị Đoàn Thị B. Hội đồng xét xử xét thấy: Mặc dù khi chốt sổ cũng như ký giấy nhận nợ, giữa các bên không thỏa thuận tính lãi suất đối với toàn bộ số nợ. Tuy nhiên cho đến nay vợ chồng anh K không có ý thức trả nợ đối với toàn bộ số nợ nói trên. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho chị Đoàn Thị B cần buộc vợ chồng anh K phải trả tiền lãi theo yêu cầu của chị B là có căn cứ và phù hợp với quy định tại điều 468 Bộ luật dân sự.

Vì vậy cần buộc vợ chồng anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T phải trả cho vợ chồng chị Đoàn Thị B số tiền nợ gốc là 32.370.000 đồng và tiền lãi là 10.000.000 đồng là phù hợp với các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B được chấp nhận được chấp nhận do vậy anh K, chị T phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm của khoản tiền này. Tuy nhiên do anh Mai Hồng K là hộ cận nghèo, là người dân tộc thiểu số sống ở vùng kinh tế đặc biệt khó khăn nên cần căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T. Trả lại cho chị Đoàn Thị B toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện YT.

**** Vì các lẽ trên.***

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, Điều 430, Điều 440, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ các Điều 26; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271; 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đoàn Thị B. Buộc vợ chồng anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T phải trả cho vợ chồng chị Đoàn Thị B số tiền gốc là 32.370.000 đồng (Ba mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đồng) và tiền lãi là 10.000.000 đồng (Mười triệu đồng). Tổng cả gốc và lãi là 44.778.000 đồng (Bốn mươi hai triệu ba trăm bảy mươi ngàn đông).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất là 10%/năm tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho anh Mai Hồng K và chị Lý Thị T. Hoàn trả chị Đoàn Thị B số tiền 1.125.000 đồng là tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2016/0002297 ngày 06/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện YT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Nơi nhận:
- Toà án ND tỉnh BG
- Viện kiểm ND tỉnh BG;
- Viện kiểm sát ND huyện YT;
- Các đương sự;
- Chi cục THA huyện YT.
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nguyễn Việt Hùng